Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4010.31.00

Mã HS	4010.31.00
Mô tả hàng hóa	Băng tải hoặc đai tải hoặc băng truyền (dây cu roa) hoặc đai truyền, bằng cao su lưu hóa / - Băng truyền hoặc đai truyền: / - - Băng truyền liên tục có mặt cắt ngang hình thang (băng chữ V), có gân hình chữ V, với chu vi ngoài trên 60 cm nhưng không quá 180 cm
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	02/11/2026 14:05:26
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/40103100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	22.5	22,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K6435
Thuế NK ưu đãi (MFN)	15	15%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N6435
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q6435
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-LA, MM, MY, PH)	0% (trừ LA, MM, MY, PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	8.6	8,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E6229
ATIGA	2022	2022	0	AT!E6190
ATIGA	2023	2023	0	AT!F6190
ATIGA	2024	2024	0	AT!G6190
ATIGA	2025	2025	0	AT!H6190
ATIGA	2026	2026	0	AT!I6190
ATIGA	2027	2027	0	AT!J6190
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E6234
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F6234
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G6234

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H6234
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I6234
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J6234
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E6232
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F6232
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G6232
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H6232
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I6232
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J6232
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F6240
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H6196
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F6192
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G6192
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H6192
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I6192
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J6192
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K6192
VKFTA	2022	2022	0	VK!E6216
VKFTA	2023	2023	0	VK!F6216
VKFTA	2024	2024	0	VK!G6216
VKFTA	2025	2025	0	VK!H6216
VKFTA	2026	2026	0	VK!I6216
VKFTA	2027	2027	0	VK!J6216
VCFTA	2022	2022	3	VC!D6258
VCFTA	2023	2023	1	VC!E6258
VCFTA	2024	2024	0	VC!F6258

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G6258
VCFTA	2026	2026	0	VC!H6258
VCFTA	2027	2027	0	VC!I6258
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D6243
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E6243
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F6243
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G6243
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H6243
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I6243
AHKFTA	2022	2022	9	AKH!D6246
AHKFTA	2023	2023	6	AKH!E6246
AHKFTA	2024	2024	6	AKH!F6246
AHKFTA	2025	2025	3	AKH!G6246
AHKFTA	2026	2026	3	AKH!H6246
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I6246
EVFTA	2022	2022	7,5	EV-NK!D6231
EVFTA	2023	2023	5	EV-NK!E6231
EVFTA	2024	2024	2,5	EV-NK!F6231
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G6231
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H6231
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I6231
UKVFTA	2022	2022	7,5	UKV!D6233
UKVFTA	2023	2023	5	UKV!E6233
UKVFTA	2024	2024	2,5	UKV!F6233
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G6233
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H6233

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I6233
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D6218
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E6218
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F6218
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G6218
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H6218
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I6218
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J6218
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D6236
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E6236
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F6236
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G6236
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H6236
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I6236
RCEP B	2022	2022	0	B!D6236
RCEP B	2023	2023	0	B!E6236
RCEP B	2024	2024	0	B!F6236
RCEP B	2025	2025	0	B!G6236
RCEP B	2026	2026	0	B!H6236
RCEP B	2027	2027	0	B!I6236
RCEP C	2022	2022	0	C!D6236
RCEP C	2023	2023	0	C!E6236
RCEP C	2024	2024	0	C!F6236
RCEP C	2025	2025	0	C!G6236
RCEP C	2026	2026	0	C!H6236
RCEP C	2027	2027	0	C!I6236

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D6236
RCEP D	2023	2023	0	D!E6236
RCEP D	2024	2024	0	D!F6236
RCEP D	2025	2025	0	D!G6236
RCEP D	2026	2026	0	D!H6236
RCEP D	2027	2027	0	D!I6236
RCEP E	2022	2022	0	E!D6239
RCEP E	2023	2023	0	E!E6239
RCEP E	2024	2024	0	E!F6239
RCEP E	2025	2025	0	E!G6239
RCEP E	2026	2026	0	E!H6239
RCEP E	2027	2027	0	E!I6239
RCEP F	2022	2022	0	F!D6236
RCEP F	2023	2023	0	F!E6236
RCEP F	2024	2024	0	F!F6236
RCEP F	2025	2025	0	F!G6236
RCEP F	2026	2026	0	F!H6236
RCEP F	2027	2027	0	F!I6236
VIFTA	2024	2024	12,9	VI!F5773
VIFTA	2025	2025	10.7	VI!G5773
VIFTA	2026	2026	8.6	VI!H5773
VIFTA	2027	2027	6.4	VI!I5773

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4010.31.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 15% của mã 4010.31.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N6435), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.